

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 1095/2024/DS-PT
Ngày: 31/12/2024
V/v tranh chấp hợp đồng thuê nhà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Quy

Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 875/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê mặt bằng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 692/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6114/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Số G đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trẻ **Nguyễn Thái Mạnh D**, sinh năm 2009.

Người đại diện theo pháp luật của trẻ D:

Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1971. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số G đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2019, và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Thị H là nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/8/2022 bà H thuê mặt bằng tại địa chỉ nhà số G L, Phường A, quận G do bà Phạm Thị T là chủ sở hữu cho thuê mua bán, kinh doanh mặt hàng ăn uống, giá thuê là 25.000.000 đồng/tháng. Bà H đồng ý thuê và đặt cọc trước hai tháng tiền nhà là 50.000.000 đồng. Thời hạn thuê là 02 năm từ ngày 29/8/2022 đến ngày 29/8/2024. Trước khi vào kinh doanh bà H có sửa chữa lại quán gần 300.000.000 đồng. Quá trình kinh doanh bà T thường gây khó khăn yêu cầu quán phải giữ gìn vệ sinh sạch sẽ, gọn gàng. Nhân viên quán tiếp thu và sửa chữa bỏ rác vào bao đựng rác nhưng bà T không đồng ý, đến ngày 15/9/2023 phát sinh mâu thuẫn giữa bà T với nhân viên của quán, bà T cho rằng “bao đựng rác phải sử dụng, sử lý rác phải đúng yêu cầu của bà T”. Ngày 11/10/2023 bà T tiếp tục ra quán gây khó khăn về bao đựng rác, thời điểm này bà H không có ở quán nên bà T gọi điện thoại thông báo yêu cầu bà H có mặt để giải quyết nhưng vì thời điểm đó bà H đi tỉnh, trong thời hạn 03 ngày sẽ gặp bà T nói chuyện nhưng đến ngày 12/10/2023 bà T tự ý ngắt nguồn điện và đơn phương chấm dứt hợp đồng. Ngày 14/10/2023 bà T yêu cầu bà H dọn hết đồ đi ngay trong ngày và trả lại mặt bằng cho bà T nếu không dọn bà T không chịu trách nhiệm.

Vào đầu tháng 10/2023 bà H đã thanh toán trả cho bà T đầy đủ tiền thuê mặt bằng và luôn tiền điện nước của tháng 10 tổng cộng là 30.000.000 đồng, nhưng đến ngày 11/10/2023, bà T đơn phương chấm dứt hợp đồng ngắt nguồn điện của quán đang sử dụng, làm thiệt hại thực phẩm tương đương số tiền là 15.000.000 đồng và yêu cầu về truy thu lại số tiền thừa của tháng 10 năm 2023. Quá trình giải quyết vụ án bà H rút yêu cầu nêu trên, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Do bà T đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng và quán cũng ngưng hoạt động từ tháng 10/2023 đến nay nên bà H đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng. Yêu cầu bà T trả lại số tiền đã nhận cọc là 50.000.000 đồng, thi hành trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 29/8/2022 bà T ký giấy tay cho bà Hồ Thị H thuê một phần mặt bằng trước nhà số G đường L, Phường A quận G, mục đích làm kinh doanh, buôn bán hàng ăn, uống. Giá cho thuê mỗi tháng là 25.000.000 đồng, năm thứ hai giá thuê là 26.000.000 đồng/tháng. Bà H đặt cọc trước 02 tháng là 50.000.000 đồng, thời hạn của hợp đồng là 02 năm.

Trong thời gian kinh doanh, bà H cho người nhà vào làm quản lý quán, nhiều lần quán không đảm bảo vệ sinh, phát sinh mùi hôi, bà T nhiều lần nhắc nhở nhân viên của quán sử dụng thùng rác gọn gàng (bịch rác không được chảy nước ra ngoài hiên nhà, có mùi hôi...) nhưng nhân viên của quán không thay đổi, sửa chữa nên xảy ra mâu thuẫn, ngày 11/10/2023 nhân viên của quán tên B gọi điện thoại, nhắn tin chửi tục tĩu và xúc phạm, đe dọa gia đình của bà T. Sự việc này bà T gọi điện thoại báo cho bà H biết nhưng bà H không qua giải quyết, vì vậy bà T thông báo chấm dứt hợp đồng cho thuê với bà H, trong thời hạn 03 ngày yêu cầu bà H phải dọn hết đồ ra khỏi quán trả lại mặt bằng trống cho bà T.

Do bà H vi phạm theo thoả thuận điều 6.1 của hợp đồng, nên bà H phải mất tiền cọc, bà T không đồng ý hoàn trả cho bà H số tiền nhận cọc là 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngày 12/8/2024 cháu Nguyễn Thái Mạnh D; sinh ngày 20/3/2009 là con ruột của bà Phạm Thị T trình bày: Căn nhà số G đường L, Phường A, quận G, do mẹ là bà T ký kết hợp đồng cho bà H thuê một phần mặt bằng, do còn đi học nên mọi việc do bà T (là mẹ) quyết định, cháu D không có ý kiến, thống nhất theo ý kiến của bà T. Yêu cầu được vắng mặt trong quá trình toà án xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 692/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Các Điều 275, 292, 328, 385, 401, 422 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị H về việc bồi thường thiệt hại về thực phẩm số tiền là 15.000.000 đồng và yêu cầu truy thu số tiền nhà đã thanh toán là 18.000.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị H số tiền cọc thuê nhà là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau đó, bị đơn bà Phạm Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Nguyên đơn bà Hồ Thị H đã vi phạm hợp đồng thuê mặt bằng khi tự ý chuyển cho anh trai là ông Hồ B đứng ra kinh doanh quán với danh nghĩa quản lý mà không được sự đồng ý của bà T. Bà H kinh doanh đã không đảm bảo vệ sinh môi trường, để rác chảy nước dơ trong thời gian dài. Khi bà T nhắc nhở thì ông B nhắn tin, điện thoại để chửi bới, gây gổ với bà T. Bà H còn không thanh toán tiền điện đã sử dụng, tự ý sửa chữa mặt bằng thuê, kinh doanh không đúng mặt hàng đã đăng ký ban đầu. Do bà H vi phạm Điều 6.1, 6.3, 6.5 của hợp đồng nên bà T có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo đúng thỏa thuận tại Điều VII và không phải trả lại tiền đặt cọc cho bà H. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Nguyên đơn bà Hồ Thị H vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Hợp đồng cho thuê một phần mặt bằng ngày 29/8/2022 giữa bà Phạm Thị T và bà Hồ Thị H thì bà T đồng ý cho bà H thuê một phần mặt bằng tại nhà số G L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để làm địa điểm kinh doanh (quán bán nghêu sò ốc hến). Thời hạn thuê là 02 năm, từ ngày 29/8/2022 đến ngày 29/8/2024. Giá cho thuê mặt bằng trong năm thứ nhất là 25.000.000 đồng/tháng, trong năm thứ hai là 26.000.000 đồng/tháng. Tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng. Tiền đặt cọc chỉ được trả lại sau khi hết hạn hợp đồng và giao trả mặt bằng lại cho chủ nhà mà không có hư hao mất mát gì, nếu có hư hao mất mát sẽ bị khấu trừ chi phí đền bù sửa chữa lại.

Trong hợp đồng, hai bên còn quy định cụ thể về nghĩa vụ, quyền lợi của mỗi bên, về quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và nghĩa vụ phát sinh. Nếu bà H vi phạm một trong những điều đã thỏa thuận trong hợp đồng thì bà T có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không cần thông báo trước và không phải trả lại tiền đặt cọc cho bà H.

[2] Bà T kháng cáo cho rằng bà H đã có các hành vi vi phạm Điều 6.1, 6.3, 6.5 của hợp đồng, như: tự ý chuyển cho anh trai là ông Hồ B đứng ra kinh doanh quán với danh nghĩa quản lý mà không được sự đồng ý của bà T; kinh doanh quán không đảm bảo vệ sinh môi trường, để rác thải chảy nước dơ trong thời gian dài; không thanh toán tiền điện đã sử dụng; để cho ông B nhắn tin, điện thoại gây gổ với bà T; tự ý sửa chữa mặt bằng thuê; kinh doanh không đúng mặt hàng đã đăng ký ban đầu. Vì bà H vi phạm nên bà T không phải trả lại tiền đặt cọc cho bà H.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Điều 6.1 của hợp đồng quy định bên thuê phải “*đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường theo đúng quy định của cơ quan chức năng của nhà nước*”. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T đều thừa nhận quán kinh doanh của bà H không bị cơ quan chức năng nào lập biên bản nhắc nhở, xử phạt về vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường. Việc bà T cho rằng quán của bà H để các túi rác bị chảy nước dơ ra ngoài, gây mùi hôi để xác định bà H vi phạm hợp đồng là không đúng theo quy định tại Điều 6.1.

Bà T trình bày bà H đã chuyển cho người khác kinh doanh mặt bằng mà không được sự đồng ý của bà T. Bà H xác định bà không sang nhượng lại mặt bằng thuê của bà T cho người khác. Tại thời điểm tháng 9,10/2022 do có công việc riêng phải đi tỉnh nên bà H không thường xuyên ghé quán mà nhờ anh trai

là ông Hồ Bảo quản L quán giúp. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T không có tài liệu gì chứng minh bà H đã sang nhượng lại mặt bằng thuê của bà T cho ông B; khi bà T gọi điện thoại hay nhắn tin thông báo cho bà H về các vấn đề vệ sinh quán hay vấn đề tranh cãi với ông B thì bà H vẫn khẳng định bà là người có quyền trên hợp đồng, bà đang có công việc ở tỉnh khác, xin hẹn lại bà T vài ngày để trở về giải quyết sự việc. Do đó, lời trình bày của bà T về việc bà H vi phạm hợp đồng khi sang nhượng lại mặt bằng thuê cho người khác là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 6.1 của hợp đồng giữa bà T và bà H có quy định “*Nghiêm cấm nhân viên gây gổ, đánh lộn với khách hàng hoặc với chủ nhà*”. Bà T trình bày bà H đã để cho ông B gây gổ với bà T là vi phạm hợp đồng. Phía bà H xác định ông B không phải là nhân viên của quán, bà H không hay biết về việc tranh cãi hay mâu thuẫn giữa ông B và bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T lúc thì trình bày ông Hồ B là người đã nhận sang nhượng lại quán của bà H để kinh doanh, lúc thì trình bày ông B là nhân viên của quán. Bà T không cung cấp được chứng cứ xác định ông B là nhân viên của quán bà H, việc gây gổ mà bà T đề cập cũng chỉ là những hình chụp tin nhắn qua lại trên mạng zalo giữa bà T và một tài khoản tên Bảo H1, không có một biên bản nào do cơ quan chức năng lập thể hiện nhân viên quán bà H có hành vi gây gổ, đánh nhau với bà T.

Đối với việc bà T cho rằng bà H vi phạm Điều 6.5 của hợp đồng khi không đóng tiền điện đã sử dụng: Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 12/10/2023 bà T nhắn tin và điện thoại thông báo sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng với bà H, lúc này bà H trình bày đang có công việc ở tỉnh xa, xin hẹn ba ngày sau sẽ về để làm việc nhưng bà T không đồng ý. Ngay trong ngày 12/10/2023, bà T cũng cúp điện nước tại quán, không cho bà H sử dụng. Do đó bà H không thể thực hiện việc thanh toán tiền điện ngay trong ngày 12/10/2023 được. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu bà H phải trả số tiền điện còn thiếu, không đưa ra tài liệu để chứng minh việc bà H không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền điện trong thời gian dài. Do đó, không có cơ sở để xác định bà H đã vi phạm hợp đồng tại điều khoản này.

Bà T trình bày bà H đã cho hàn hai cánh cửa sắt của mặt bằng là tự ý sửa chữa mặt bằng thuê nhưng chính bà T cũng thừa nhận việc bà H hàn hai cánh cửa sắt xảy ra ngay từ khi bà H mới thuê mặt bằng, bà T biết và đồng ý cho bà H thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cung cấp hình ảnh chụp một bảng hiệu kinh doanh và hình chụp các món ăn để chứng minh việc ngoài kinh doanh nghêu sò ốc hến thì bà H còn kinh doanh thêm các món ăn khác như bò, mực, cơm..., nhận đặt tiệc liên hoan, sinh nhật... Hội đồng xét xử nhận thấy, các hình ảnh này không biết được chụp tại thời điểm nào, có phải của quán bà H hay

không, chưa đủ căn cứ để cho rằng bà H đã kinh doanh không đúng ngành nghề. Mặt khác, tại thời điểm bà T chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với bà H thì bà T không hề nêu ra các lý do này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở để xác định bà H đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận tại hợp đồng thuê mặt bằng ngày 29/8/2022. Thời hạn cho thuê theo hợp đồng đến ngày 29/8/2024 nhưng vào ngày 12/10/2023 bà T đã thông báo chấm dứt hợp đồng; ngưng cung cấp điện, nước, buộc bà H phải giao trả mặt bằng vào ngày 14/10/2023. Hành vi của bà T là đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không có lý do chính đáng, vi phạm hợp đồng đã ký kết. Tại thời điểm giao trả, mặt bằng không có hư hao, mất mát gì do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả lại cho bà H số tiền đặt cọc đã nhận 50.000.000 đồng là đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng và đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà T.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 275, 292, 328, 385, 401, 422, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Tuyết . Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H.

- Bà Phạm Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hồ Thị H số tiền đặt cọc thuê nhà là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị H về việc yêu cầu bà Phạm Thị T bồi thường thiệt hại về thực phẩm bị hư hỏng số tiền 15.000.000 đồng và yêu cầu bà T phải trả lại số tiền thuê nhà đã thanh toán là 18.000.000 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Bà Hồ Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 2.075.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0012755 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0014531 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Bùi Thị Kim Dung



